

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Anh Đức;

Ông Lương Minh Suốt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Lê Tuấn S, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Bà Đoàn Ngọc K, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Con chung:*** Lê Tuấn T, sinh ngày 08/11/2012 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 23 tháng 02 năm 2021 của ông Lê Tuấn S và tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, ông Lê Tuấn S trình bày:*

Ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K tổ chức cưới năm 2011, đăng ký kết hôn ngày 12/10/2013 tại UBND xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay ông S nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông S và bà K có 01 người con chung Lê Tuấn T, sinh ngày 08/11/2012, hiện đang sống chung với ông S. Khi ly hôn ông S yêu cầu được quyền nuôi con chung là Lê Tuấn T, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn bà Đoàn Ngọc K:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng bà Đoàn Ngọc K vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông Lê Tuấn S.

*Đối với con chung Lê Tuấn T:* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, cháu Lê Tuấn T trình bày: Khi cha mẹ ly hôn không còn chung sống với nhau cháu có nguyện vọng sống với cha là ông Lê Tuấn S.

*Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Ngoài ra, ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa nhưng ông S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà K vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử ông Lê Tuấn S được ly hôn với bà Đoàn Ngọc K. Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Tuấn T, sinh ngày 08/11/2012 cho ông Lê Tuấn S được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi con chung Lê Tuấn T đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tuấn S không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con vì

vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông S bà K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông S bà K vắng mặt, ông S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà K vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K tự nguyện tổ chức cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 12/10/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Tuấn S và bà Đoàn Ngọc K là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Lê Tuấn S, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì ông S và bà K chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến về vấn đề tình cảm. Ông S và bà K đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông S và bà K đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông S và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Tuấn S.

[4] Về con chung: Ông S và bà K có 01 người con chung là Lê Tuấn T, sinh ngày 08/11/2012. Khi ly hôn ông S yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy, từ khi ông S và bà K không còn sống chung với nhau cho đến nay thì cháu T sống cùng với ông S. Nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại của cháu T và không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của các cháu thì cần tiếp tục giao cháu Lê Tuấn T cho ông Lê Tuấn S được quyền trực tiếp nuôi cho đến khi cháu Lê Tuấn T đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tuấn S không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án; ông Lê Tuấn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn S được ly hôn với bà Đoàn Ngọc K.
2. Về con chung: Giao cho ông Lê Tuấn S được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Tuấn T, sinh ngày 08/11/2012 cho đến khi cháu Lê Tuấn T đủ 18 tuổi. Bà Đoàn Ngọc K được quyền thăm nom con chung Lê Tuấn T không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Tuấn S không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Tuấn S phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009216 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Ông Lê Tuấn S đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**